

Số: **28** /2009/TT-BCT

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm 2009

**THÔNG TƯ**

**Xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, ký ngày 25 tháng 12 năm 2008 tại Tô-ky-ô, Nhật Bản;

Bộ Công Thương quy định việc xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế như sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này điều chỉnh việc xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên (mã HS 0409.00.00) xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan**

Cơ quan xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan theo yêu cầu của người xuất khẩu là Vụ Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương.

**Điều 4. Nội dung Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan**

Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan được in bằng giấy trắng, khổ A4, bằng tiếng Anh và bao gồm những thông tin tối thiểu sau:

- Số tham chiếu;
- Tên và địa chỉ của người xuất khẩu;
- Tên và địa chỉ của người nhập khẩu;
- Mô tả hàng hóa;
- Mã HS;
- Số lượng (có ghi cụ thể đơn vị đo lường);
- Hiệu lực Giấy chứng nhận Hạn ngạch thuế quan (ngày có hiệu lực/ngày hết hạn hiệu lực); và
- Xác nhận của Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương.

Mẫu Giấy chứng nhận Hạn ngạch thuế quan được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

### **Điều 5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan**

Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan có hiệu lực kể từ ngày xác nhận đến ngày 31 tháng 3 tiếp theo.

### **Điều 6. Nguyên tắc xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan**

1. Thương nhân có nhu cầu được hưởng thuế ưu đãi VJEPA của Nhật Bản dành cho Việt Nam trong hạn ngạch thuế quan đối với mặt ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế phải nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương để xin xác nhận.

2. Căn cứ vào lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm Nhật Bản dành cho Việt Nam như quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này và trên cơ sở ngày tiếp nhận đăng ký xin xác nhận, Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan của thương nhân xuất khẩu được xác nhận theo nguyên tắc thương nhân đăng ký trước được xem xét trước, đăng ký sau được xem xét sau. Đối với lượng mặt ong tự nhiên đăng ký xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan vượt quá lượng hạn ngạch còn lại trong năm đó, Bộ Công Thương sẽ xác nhận theo số lượng hạn ngạch còn lại.

### **Điều 7. Hồ sơ đề nghị xác nhận**

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gồm:

- a) Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan;
- c) Bản sao C/O Mẫu VJ có đóng dấu xác nhận của Tổ chức xác nhận C/O.

2. Trong trường hợp chưa có Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan, Bản sao C/O Mẫu VJ, người đề nghị xác nhận Giấy chứng

nhận hạn ngạch thuế quan có thể được nợ các chứng từ này nhưng không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày được xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan.

3. Trường hợp doanh nghiệp không nộp các giấy tờ nợ nêu tại khoản 2 điều này, Bộ Công Thương sẽ thông báo và đề nghị Nhật Bản không cấp Chứng nhận hạn ngạch thuế quan cho doanh nghiệp nhập khẩu bên Nhật Bản.

### **Điều 8. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xác nhận**

Khi người đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan nộp hồ sơ, cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và thực hiện một số biện pháp sau:

1. Thông báo bằng giấy biên nhận về việc sẽ xem xét xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong trường hợp vẫn còn hạn ngạch theo quy định tại Phụ lục 2. Thời gian xác nhận được quy định cụ thể tại Điều 9 và được ghi cụ thể trên giấy biên nhận;

2. Đề nghị bổ sung chứng từ trong trường hợp thiếu chứng từ theo quy định tại Điều 7. Sau khi người đề nghị xác nhận cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ, cán bộ tiếp nhận sẽ thực hiện biện pháp nêu tại khoản 1 điều này;

3. Từ chối xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong trường hợp đã hết hạn ngạch theo quy định tại Phụ lục 2.

### **Điều 9. Xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan**

1. Bộ Công Thương sẽ xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp không xác nhận, Bộ Công Thương có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

### **Điều 10. Xác nhận lại do Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan bị rách, mất, hỏng**

Trong trường hợp Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng, thương nhân có thể nộp đơn gửi Tổ chức xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đề nghị xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc. Tổ chức xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xác nhận bản sao trên cơ sở chứng từ xuất khẩu được lưu tại Tổ chức xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan và bản sao này phải mang dòng chữ "CERTIFIED TRUE COPY" vào ô "REMARK" của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan. Bản sao này mang ngày xác nhận của bản Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc.

Bản sao chứng thực này được xác nhận trong khoảng thời gian trước ngày hết hạn của Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan gốc.

**Điều 11. Trả lại Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan do không thực xuất**

Trường hợp thương nhân không sử dụng Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đã đề nghị xác nhận do không thực xuất khẩu lô hàng đã xin Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan hoặc lô hàng sau khi xuất khẩu bị trả về Việt Nam, thương nhân phải trả lại Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đã được xác nhận trước đó cho Tổ chức đã xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đó.

**Điều 12. Công khai phân bổ hạn ngạch thuế quan trên trang thông tin của Bộ Công Thương**

Thông tin về việc phân bổ hạn ngạch thuế quan đối với mặt ong tự nhiên xuất khẩu sang Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế sẽ được công khai trên trang thông tin của Bộ Công Thương tại địa chỉ [www.moit.gov.vn](http://www.moit.gov.vn).

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký. *thp*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Nguyễn Thành Biên*  
**Nguyễn Thành Biên**

Phụ lục 1

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HẠN NGẠCH THUẾ QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mặt ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế)

**AGREEMENT BETWEEN VIETNAM AND JAPAN  
FOR AN ECONOMIC PARTNERSHIP**

**TARIFF RATE QUOTA CERTIFICATE**

<b>EXPORTER FULL LEGAL NAME AND ADDRESS</b>		<b>CERTIFICATE NUMBER</b>
<b>IMPORTER FULL LEGAL NAME AND ADDRESS</b>		<b>DESCRIPTION OF GOODS</b>
<b>REMARKS</b>		
<b>HS TARIFF CLASSIFICATION NUMBER</b>	<b>QUANTITY OF GOODS</b>	<b>MEASUREMENT UNIT</b>
<b>ISSUED IN</b>		<b>STAMP</b>
<b>VALID</b>		
<b>FROM</b>	<b>UNTIL</b>	
<b>SIGNATURE OF AUTHORITY</b>		

THIS CERTIFICATE IS NOT VALID IF EXHIBITS ERASURES, DELETIONS, CROSSING OUT OR ANY SIGN OF ALTERATION

**Phụ lục 2**

**HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU MẬT ONG TỰ NHIÊN  
SANG NHẬT BẢN THEO HIỆP ĐỊNH VJEPÀ THEO CÁC NĂM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số số 28 /2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế)*

<b>Năm thứ</b>	<b>Khoảng thời gian áp dụng hạn ngạch</b>	<b>Số lượng (tấn)</b>
Năm thứ nhất	01/10/2009 – 31/3/2010	100
Năm thứ hai	01/4/2010 – 31/3/2011	105
Năm thứ ba	01/4/2011 – 31/3/2012	110
Năm thứ tư	01/4/2012 – 31/3/2013	115
Năm thứ năm	01/4/2013 – 31/3/2014	120
Năm thứ sáu	01/4/2014 – 31/3/2015	125
Năm thứ bảy	01/4/2015 – 31/3/2016	130
Năm thứ tám	01/4/2016 – 31/3/2017	135
Năm thứ chín	01/4/2017 – 31/3/2018	140
Năm thứ mười	01/4/2018 – 31/3/2019	145
Năm thứ mười một trở đi	01/4/2019 – 31/3/2020	150

**Phụ lục 3**  
**ĐƠN ĐĂNG KÝ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU MẬT ONG**  
**TỰ NHIÊN SANG NHẬT BẢN THEO HIỆP ĐỊNH VJEP**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 /2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm*  
*2009 xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào*  
*Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và*  
*Nhật Bản về Đối tác Kinh tế)*

---

**TÊN THƯƠNG NHÂN**  
Số:  
V/v đăng ký hạn ngạch thuế  
quan xuất khẩu mật ong tự  
nhiên sang Nhật Bản theo Hiệp  
định VJEP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

Căn cứ Thông tư số .....ngày ..... của Bộ Công Thương

Thương nhân (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và tên viết tắt):

Giấy đăng ký kinh doanh số:

Điện thoại:

Fax :

E-mail:

Địa chỉ giao dịch:

đề nghị Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương xác nhận giấy hạn ngạch  
thuế quan xuất khẩu đối với mật ong tự nhiên (mã HS 0409.00.00) theo hạn  
ngạch thuế quan nhập khẩu vào Nhật Bản cho năm tài khóa của Nhật Bản (\*)  
20.... với số lượng là:..... tấn (bằng chữ: )/.

*Ghi chú: \* Năm tài khóa của Nhật Bản bắt đầu từ 01 tháng 4 đến 31  
tháng 3 của năm sau đó.*

**Chức vụ của Người đứng đầu thương nhân**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

(Ký tên và đóng dấu)

**Tên Người đứng đầu thương nhân**